TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ LONG XUYÊN** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 79/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 28/7/2020
V/v "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYÊN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Trọng Ngoan

2. Bà Phan Hoàng Mai

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Trần Ngọc Ký - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên tham gia phiên tòa: Ông Lê Hoàng Nhựt - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 759/2019/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2019 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 149/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 169/2020/QĐST-HNGĐ ngày 01/7/2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Phan Thị Bích T, sinh năm 1985.

Cư trú: số 219/5 TNH, phường ML, thành phố LX, tỉnh AG.

2. Bị đơn: Ông Võ Văn V, sinh năm 1983.

Cư trú: số 219/5 TNH, phường ML, thành phố LX, tỉnh AG.

Nơi ở hiện nay: số 195/1 ĐD, khóm 6, phường ML, thành phố LX, tỉnh AG.

(Tại phiên tòa bà T vắng mặt (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt); ông V vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 21 tháng 10 năm 2019, trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Phan Thị Bích T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân và gia đình: Bà Phan Thị Bích T và ông Võ Văn V tự tìm hiểu, kết hôn vào năm 2005 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường ML, thành phố LX, tỉnh AG. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc không lâu thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do không hợp nhau, cách sống của mỗi người mỗi khác. Nguyên nhân chính là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong đời sống hôn nhân, ông V thường xuyên say rượu, không quan tâm chăm sóc vợ con, không lo làm ăn xây dựng hạnh phúc gia đình. Nay, tình cảm vợ chồng không còn, bà T không còn yêu thương gì đối với ông V, nên yêu cầu Tòa án xem xét cho bà được ly hôn với ông V.

Về quan hệ con chung: Trong thời gian sống chung, bà T và ông V có một con chung tên Võ Vĩnh P, sinh ngày 12/10/2005. Hiện tại, con đang sống chung với bà T, bà T yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông V cấp dưỡng.

Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Bà T và ông V tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án, ông Võ Văn V vắng mặt không có lý do, không có ý kiến trình bày.

Tại phiên tòa, bà Phan Thị Bích T có đơn xét xử vắng mặt ngày 08 tháng 6 năm 2020; bị đơn ông Võ Văn V vắng mặt và không có văn bản trình bày ý kiến cung cấp cho Tòa án xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên:

Về thủ tục tố tụng: Việc chấp hành pháp luật của thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách đương sự, quan hệ pháp luật tranh chấp. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm như: Nguyên tắc xét xử, thư ký phiên tòa, sự vắng mặt của đương sự tại phiên tòa. Đối với nguyên đơn bà T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt là phù hợp quy định pháp luật. Riêng bị đơn ông V vắng mặt không đến Tòa án giải quyết là không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của ông và phải chịu hậu quả theo quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự có trong hồ sơ vụ án: Bà T và ông V đăng ký kết hôn năm 2005 tại Ủy ban nhân dân phường ML. Giữa bà T và ông V phát sinh mâu thuẫn và đã ly thân từ năm 2019 đến nay. Xét thấy, ông V mặc dù được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, không tham gia các phiên hòa giải, công khai chứng cứ, không trình bày ý kiến. Do đó cho thấy mâu thuẫn giữa bà T và ông V đã đi đến trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T đối với ông V là phù hợp quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Về con chung, cháu Võ V Phương, sinh ngày 12/10/2005 hiện nay sống chung với bà T, được bà chăm lo tốt, đảm bảo ổn định về tinh thần và đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho cháu P nên chấp nhận giao con chung cho bà T chăm sóc, nuôi dưỡng theo quy định tại Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Về cấp

dưỡng, bà T không yêu cầu ông V không cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét. Về tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà T và ông V có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường ML, thành phố LX, tỉnh AG; bà T khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông V; ông V hiện đang cư trú trên địa bàn thành phố LX, tỉnh AG. Nên căn cứ vào các Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giữa bà T và ông V là "tranh chấp ly hôn" và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố LX, tỉnh AG.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay bà Phan Thị Bích T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, đơn đề ngày 08 tháng 6 năm 2020. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bà T là phù hợp quy định pháp luật.

Riêng đối với ông Võ Văn V, Tòa án đã tiến hành tống đạt và niêm yết công khai các văn bản tố tụng, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa theo quy định Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng tại phiên tòa hôm nay, bị đơn ông Võ Văn V không đến Tòa và vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông V.

[3] Hội đồng xét xử nhận định về nội dung vụ án: Bà Phan Thị Bích T và ông Võ Văn V trên cơ sở tự nguyện của cả hai, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường ML, thành phố LX, tỉnh AG theo Giấy chứng nhận kết hôn số 149/KH.ML ngày 10 tháng 8 năm 2005, được pháp luật công nhận là vợ chồng hợp pháp theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình. Nay, bà T và ông V phát sinh mâu thuẫn, bà T xin ly hôn nên Tòa án thụ lý giải quyết là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc không lâu thì sống ly thân cho đến nay. Nguyên nhân, do ông V không quan tâm chăm sóc vợ con, bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Trong thời gian sống chung bà T luôn tìm cách hàn gắn tình cảm vợ chồng, hạnh phúc gia đình nhưng không có kết quả, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu được ly hôn với ông V.

[5] Xét, hôn nhân giữa bà T và ông V mâu thuẫn phát sinh ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nếu duy trì cuộc hôn nhân này cũng không đem lại hạnh phúc cho cả hai. Hiện nay, bà T không còn tình cảm với ông V, không yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẽ khó khăn trong cuộc sống và chăm lo hạnh phúc gia đình, chăm lo con cái. Trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án, ông V vắng mặt, không trình ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà T tức là ông đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ của ông đã

được pháp luật quy định nên không có căn cứ xét yêu cầu của ông V. Do đó, chấp nhận yêu cầu của bà T được ly hôn với ông V.

[6] Về quan hệ con chung: Trong thời gian sống chung vợ chồng có một con chung tên Võ Vĩnh P, sinh ngày 12 tháng 10 năm 2005 (nam). Hiện nay, con chung đang sống ổn định với bà T, được bà T chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục tốt, nguyện vọng của cháu P mong muốn sống chung với bà T. Do đó, xét cần thiết phải giao con chung tên Võ Vĩnh P cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Về cấp dưỡng, bà T không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét, nếu có tranh chấp về cấp dưỡng nuôi con chung sẽ xem xét giải quyết bằng vụ án khác (nếu có).

[7] Về tài sản chung và nợ chung: Bà T cho rằng bà và ông V tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông V cũng không có ý kiến cung cấp cho Tòa án về vấn đề này. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, bà T nộp tiền án phí theo quy định pháp luật. Ông V không nộp án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

Điều 8, Điều 9, Điều 19, Khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Điều 179; Điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 1 Khoản 3 Điều 228, Điều 233, Điều 273, Điều 278, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Điều 2, Điều 6, Điều 7, Điều 9, Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân và gia đình: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Bích T được ly hôn với ông Võ Văn V.

Về quan hệ con chung: Bà Phan Thị Bích T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Võ Vĩnh P, sinh ngày 12 tháng 10 năm 2005. Ông V không cấp dưỡng nuôi con chung do bà T không yêu cầu. Bà T phải tạo điều kiện thuận lợi cho ông V được trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Việc nuôi con chung không cố định.

Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Bà Phan Thị Bích T và ông Võ Văn V tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Phan Thị Bích T nộp số tiền 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), trừ vào 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005861 ngày 05 tháng 12 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Bà Phan Thị Bích T, ông Võ Văn V được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú của bà T, ông V.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

(Đã giải thích Điều 26 Luật thi hành án)

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND TPLX;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Phương